LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/02/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5	7:25	19	0		19	0	
2		P10+TTC1+BK21	7:25	18+0+0	0+0+0		17+0+1	0+0+0	Chuyen 1 TTC1-BK21
3		P11+P9	7:25	15+4	0+0		12+7	0+0	
4		BK10+P2	9:25	4+15	0+0		0+19	0+0	
5		TD3+P10	9:25	14+4	0+0		12+7	0+0	
6		TD3+BK3+BK4	9:25	8+4+4	0+0+0		8+5+4	0+0+0	
7		BK15+P9	11:25	1+18	0+0		0+16	0+0	
8		TD5+BK10	11:25	5+11	0+0		1+5	0+0	
9		T.UNG	11:25	16	0		2	0	

TTĐĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2025	TO: TD5	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:40
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: MMINH - LTUẤN	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CHUSH MAKSIM	TD5	60	1	4	2	40	103	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN XUÂN THẾ	TD5	63	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
3	VI HUNG CƯỜNG	TD5	55	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
4	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	56	1	5			63	KHOAN	Vietnamese
5	BÙI XUÂN KHOA	TD5	62	1	10			58	KHOAN	Vietnamese
6	LƯU VĂN MẠNH	TD5	70	1	5			59	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ XUÂN QUÝ	TD5	65-66	2	12			79	YTE	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD5	68-69	2	15			64	DMC-MI	Vietnamese
9	HÀ VĂN PHÚC	TD5	53	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀNG LINH	TD5	59	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY DŨNG	TD5	50	1	3			82	KHOAN	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN MẠO	TD5	52	1	10			68	KHOAN	Vietnamese
13	HÀ QUỐC DŨNG	TD5	51	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ÂN	TD5	54	1	7			63	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN THƯỢNG VŨ	TD5	58	1	12			90	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ THANH HẢI	TD5	57	1	8			65	DVL	Vietnamese
17	VÕ HỮU TÂN	TD5	64	1	14			78	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG SƠN	TD5	61	1	8			72	DVL	Vietnamese
19	TRẦN VĂN NGHĨA	TD5	67	1	18			86	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	19	1.386	21	154	2	40	19		
	TOTAL	19	1.386	21	154	2	40	19		
	WEIGHT KG		1.386		154		40			

GRAND TOAL: **1.580** KGS

VSP REP. **VNH REP.** **CAPTAIN**

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2025	TO: P10 - TTC1 - BK21	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ATUẤN - MẠNH	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	K LỘC	P10	94	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ BẢO ÂN	P10	82	1	13			77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU HẬU	P10	89	1	5			99	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH KHOA	P10	91	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY NGỌC	P10	81	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BẢO LÂM	P10	83	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ ĐÌNH THỤ	P10	85	1	6			72	YTE	Vietnamese
8	LÊ NGỌC NGUYÊN	P10						81	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	P10	92	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	P10	80	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC BA	P10	78	1	8	1	10	80	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ CHÍ HIẾU	P10	84	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC THANH	P10	79	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN LỢI	P10	88	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN GIÁP	P10	90	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	86-87	2	8			70	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P10	93	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	96-97	2	10			61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	18	1.309	19	127	1	10	17		
2	TTC1	0	0	0	0	0	0	0 +1		CHUYEN 01 PAX TU TTC1 SANG BK21
3	BK21	0	0	0	0	0	0	1		
	TOTAL	18	1.309	19	127	1	10	18		
	WEIGHT KG		1.309		127		10			

GRAND TOAL: **1.446** KGS

VSP REP. **VNH REP.** **CAPTAIN**

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2025	TO: P11 - P9	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HHẢI - TTRUNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGÔ DUY KHIÊM	P11	68	1	7			72	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY HÀ	P11	76	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P11	72	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VIẾT DŨNG	P11	73	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	71	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NHÂN	P11	77	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	P11	69	1	9			100	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU NGỮ	P11	78	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HÙNG	P11	66	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGHIÊM ANH THÀNH	P11	80-81	2	16			65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ANH QUANG	P11	82-83	2	20			82	CODIEN	Vietnamese
12	HỨA HÙNG SƠN	P11	74-75	2	20			69	CODIEN	Vietnamese
13	BÙI ĐỨC HẬU	P11	84	1	9	2	20	64	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN KHÁN	P11	70	1	8			74	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN HẢI TRUNG	P11	67	1	5			70	PSV	Vietnamese
16	VASIANKIN A.A.	P9	04	1	14			122	KH-THAC	Russian
17	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P9	02	1	11	2	18	82	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ ĐỨC MINH	P9	03	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
19	BÙI NGỌC THÂN	P9						76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	15	1.072	18	136	2	20	12		
2	P9	4	350	3	29	2	18	7		
	TOTAL	19	1.422	21	165	4	38	19		
	WEIGHT KG		1.422		165		38			

GRAND TOAL: **1.625** KGS

VSP REP. **VNH REP.** **CAPTAIN**

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2025	TO: BK10 - P2	AIRCRAFT: 618	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HHẢI - TTRUNG	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐÀO QUANG THIẾT	BK10	82	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	80	1	5			84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGÔ TUẤN HÙNG	BK10	81	1	6			53	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG VŨ	BK10						82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THÀNH HẢI	P2	86	1	11	4	70	63	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN ĐĂNG TUẤN	P2	79	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	P2	80-81	2	6			87	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2						65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	P2	91	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG HẢI	P2	83	1	12			88	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG ĐỨC LINH	P2	89	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG TRỌNG THẢO	P2	88	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ THANH LONG	P2	87	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	85	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HỮU BẢO	P2	90	1	10			95	KH-THAC	Vietnamese
16	HÀ VĂN TRUNG	P2	84	1	12			77	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ HÙNG CƯỜNG	P2	82	1	12			78	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG ĐÌNH QUÂN	P2	78	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ CÔNG LƯU	P2	77	1	11			67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK10	4	291	3	21	0	0	0		
2	P2	15	1.110	15	115	4	70	19		
	TOTAL	19	1.401	18	136	4	70	19		
	WEIGHT KG		1.401		136		70			

GRAND TOAL: **1.607** KGS

VSP REP. **VNH REP.** **CAPTAIN**

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2025	TO: TD3 - P10	AIRCRAFT: 620	ETD: 10:00
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: MMINH - LTUẤN	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	GUSEINOV MAXIM	TD3	63-64	2	7			81	KHOAN	Russian
2	BÙI HỮU VỮNG	TD3	66	1	6			91	KHOAN	Vietnamese
3	LƯU VĂN SƠN	TD3	62	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
4	NGÔ VĂN KIỂM	TD3	53	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ THANH HẢI	TD3	65	1	7			102	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM TRƯỜNG ANH	TD3	59	1	4	3	60	91	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ TOÀN THẮNG	TD3	60	1	9			77	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN MINH THẮNG	TD3	57	1	9			128	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM TIẾN CHUNG	TD3	58	1	3			94	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD3	51	1	7			57	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	TD3	61	1	10			78	KHOAN	Vietnamese
12	NGÔ VĂN SƠN	TD3	54	1	9			85	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN GIANG	TD3	52	1	6			73	DVL	Vietnamese
14	BÙI ĐÌNH NGỌC	TD3	55-56	2	16			53	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	81	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	83	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM QUỐC CƯỜNG	P10	84	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HIẾU LIÊM	P10	82	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	14	1.137	16	101	3	60	12		
2	P10	4	281	4	20	0	0	7		
	TOTAL	18	1.418	20	121	3	60	19		
	WEIGHT KG		1.418		121		60			

GRAND TOAL: 1.599 KGS

VSP REP. **VNH REP.** **CAPTAIN**

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2025	TO: TD3 - BK3 - BK4	AIRCRAFT: 616	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ATUẤN - MẠNH	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐOÀN VĂN BẰNG	TD3	88	1	16			69	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HÃO	TD3	89-90	2	22			83	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VIỆT QUANG	TD3	92-93	2	17			70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN HẢI	TD3	84	1	3	1	13	58	PSV	Vietnamese
5	HỒ SỸ THÀNH	TD3	86	1	3			58	PSV	Vietnamese
6	ĐỖ XUÂN CHÍNH	TD3	85	1	7			68	PSV	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC CẢNH	TD3	91	1	4			62	PSV	Vietnamese
8	PHAN CHÍNH QUÝ	TD3	87	1	5			71	PSV	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN THÁI	BK3	97	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ XUÂN THỦY	BK3	96	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
11	CHU QUỲNH AN	BK3	95	1	7	2	35	109	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LINH	BK3	94	1	5			68	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐẠNG	BK4	47	1	4	1	15	83	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ ĐẠNG ĐỨC	BK4						69	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỒNG VĂN THỊNH	BK4	45	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4	46	1	4			66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	8	539	10	77	1	13	9		
2	BK3	4	310	4	25	2	35	5		
3	BK4	4	303	3	15	1	15	4		
	TOTAL	**16**	1.152	**17**	117	**4**	63	**18**		
	WEIGHT KG		**1.152**		**117**		**63**			

GRAND TOAL: **1.332** KGS

VSP REP. **VNH REP.** **CAPTAIN**

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2025	TO: BK15 - P9	AIRCRAFT: 616	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: ATUẤN - MẠNH	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ XUÂN QUÝ	BK15	76-77	2	13			97	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ MINH THÚY (15598)	P9	35	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HIẾU	P9	50-51	2	6			67	YTE	Vietnamese
4	TRẦN THANH HẢI	P9	36	1	6			83	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG MẠNH THẮNG	P9	40	1	8	1	20	70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ MINH THÚY (5406)	P9						74	KH-THAC	Vietnamese
7	TẠ TIẾN MẠNH	P9	31	1	2			63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ AN CHUNG	P9	89	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIẾT CƯỜNG	P9	54	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ SĨ BÌNH	P9	53	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN BẰNG	P9	55	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN DŨNG	P9	56	1	4			55	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH THUẬN	P9	49	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	P9	32	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ NAM TRUNG	P9	52	1	3			83	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN CAO CHÍ	P9	37	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN TỰ	P9	26	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HẢI	P9	30	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN TÙNG	P9	90	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK15	1	97	2	13	3	50	0		
2	P9	18	1.249	18	84	1	20	16		
	TOTAL	19	1.346	20	97	4	70	16		
	WEIGHT KG		1.346		97		70			

GRAND TOAL: 1.513 KGS

VSP REP. VNH REP. CAPTAIN

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2025	TO: TD5 - BK10	AIRCRAFT: 618	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: HHẢI - TTRUNG	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ HOÀI THIỆN	TD5	74	1	16			77	DVL	Vietnamese
2	NHÂM ĐỨC TUẤN	TD5	75	1	11			72	DVL	Vietnamese
3	ĐỖ THÀNH TIẾN	TD5	73	1	7			78	DVL	Vietnamese
4	ĐINH VĂN THẮNG	TD5	76	1	3			75	PSV	Vietnamese
5	VŨ QUỐC VIỆT	TD5	77	1	6			82	PSV	Vietnamese
6	PHẠM HOÀNG GIANG	BK10	83	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN TÂN	BK10	91-92	2	11			90	XAYLAP	Vietnamese
8	HOÀNG BÁ NAM	BK10	87-88	2	17			64	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN KHẮC THẾP	BK10	93	1	13			56	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC QUÂN	BK10	04-05	2	13			55	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG HƯNG	BK10	94	1	16			60	XAYLAP	Vietnamese
12	LẠI HUY CƯỜNG	BK10	95-96	2	18	2	35	64	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM TIẾN ĐẠNG	BK10	06-07	2	14			52	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐINH VĂN THIỆN	BK10	84-85	2	18			60	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐIỀU VĂN THÔNG	BK10	89-90	2	24			66	XAYLAP	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN DŨNG	BK10	86	1	10			90	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	5	384	5	43	0	0	3		
2	BK10	11	734	18	160	2	35	4		
	TOTAL	16	1.118	23	203	2	35	7		
	WEIGHT KG		1.118		203		35			

GRAND TOAL: 1.356 KGS

VSP REP. **VNH REP.** **CAPTAIN**

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2025	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:20
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: MMINH - LTUẤN	ETA: 15:30
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ HOÀNG TÂN	T.UNG	30	1	8			94	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀNG AN	T.UNG	27	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	T.UNG	28	1	17			63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC HÙNG	T.UNG	26	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐẠI KHOA	T.UNG	29	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC TUẤN	T.UNG	95	1	12			76	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU HẠNH	T.UNG	22-23	2	24			63	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HÙNG	T.UNG	12-13	2	16			61	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN NAM	T.UNG	16-17	2	16			67	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN KHÁNH	T.UNG	10-11	2	20			71	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC NAM	T.UNG	18-19	2	22			74	XAYLAP	Vietnamese
12	LE CONG THOI	T.UNG	20-21	2	22			59	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU TRUNG	T.UNG	06	1	16			70	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VIỆT ANH	T.UNG	14-15	2	25			67	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ MẠNH THẮNG	T.UNG	07-08	2	24			60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	T.UNG	24-25	2	16			62	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN TU LONG	T.UNG	09	1	4			65	PSV	Vietnamese
18	LE MINH HUY	T.UNG	96	1	5			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	18	1.235	27	275	0	0	2		
	TOTAL	18	1.235	27	275	0	0	2		
	WEIGHT KG		1.235		275		0			

GRAND TOAL: 1.510 KGS

VSP REP. VNH REP. CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/02/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+BK20	10:25	15+3	0+0		15+4	0+0	CHUYEN 1 CTK3-BK20
2		BK14+BK9+P1	11:25	12+5+0	0+0+0		11+5+2	0+0+0	EC225
3		BK14+TD3+P8	12:30	12+0+1	0+0+0		6+2+1	0+0+0	AW189
4		CNV+CTK3	12:40	7+10	0+0		7+12	0+0	PUMA

TTĐĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 NGƯỜI BK20 VỀ ĐI CTK3

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/02/2025	TO: CTK3 - BK20	AIRCRAFT: 614	ETD: 10:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HHẢI - TRƯỞNG	ETA: 12:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	MAKSIMOV D.C	CTK3	04	1	13	4	80	124	KH-THAC	Russian
2	CAO VĂN ĐẬU	CTK3	01	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3	11	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
4	BÙI TIẾN DŨNG	CTK3	07	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN QUÝ	CTK3	08	1	8			61	YTE	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	03	1	6			45	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	05	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
8	BÙI VĂN BẮC	CTK3	14	1	3			49	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH NHO HOÀNG	CTK3	13	1	8			89	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG PHƯƠNG NAM	CTK3	10	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TÙ THẮNG	CTK3	02	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG HẢI	CTK3	15	1	14			74	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	06	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN VĂN CHUYÊN	CTK3	09	1	3			49	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG VĂN HẢI	CTK3	12	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH VĂN SƠN	BK20	71	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	BK20	69	1	12			86	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯƠNG HOÀNG ANH	BK20	70	1	15	1	20	89	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	15	1.037	15	99	4	80	15+1		CHUYEN 1 PAX CTK3-BK20
2	BK20	3	253	3	35	1	20	4		
	TOTAL	18	1.290	18	134	5	100	19		
	WEIGHT KG		1.290		134		100			

GRAND TOAL: **1.524** KGS

VSP REP. **VNH REP.** **CAPTAIN**

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/02/2025	TO: BK14 - BK9 - P1	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LTUẤN - XTRƯỜNG	ETA: 13:20
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM THÀNH TÀI	BK14	90	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ VĂN TIẾN	BK14	76	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
3	DOÀN QUANG TUẤN	BK14	78	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀNG NGUYÊN	BK14	75	1	6			83	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG MINH	BK14	72	1	9			96	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT LONG	BK14	86	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG DƯ KHÁNH	BK14	89	1	16			76	KH-THAC	Vietnamese
8	BÙI VĂN TUYÊN	BK14	88	1	8			56	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN THUẬN	BK14	87	1	11			68	XAYLAP	Vietnamese
10	HẠ ĐỨC KHÁNH	BK14	06-07	2	23			71	XAYLAP	Vietnamese
11	BÙI MẠNH HẢI	BK14	73-74	2	17			51	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN HỒNG THÁNH	BK14	77	1	16			69	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN DINH CƯỜNG	BK14	08	1	3			74	PSV	Vietnamese
14	ĐẶNG HOÀNG ANH	BK9	45	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese
15	VÕ THẾ HẬU	BK9	41	1	6	3	47	67	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ TRƯỜNG AN	BK9	44	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN TRUNG KIÊN	BK9	42	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ LÝ KHÁNH	BK9	43	1	13			84	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK14	13	924	15	146	0	0	11		
2	BK9	5	387	5	37	3	47	5		
3	P1	0	0	0	0	0	0	2		
	TOTAL	18	1.311	20	183	3	47	18		
	WEIGHT KG		1.311		183		47			

GRAND TOAL: 1.541 KGS

VSP REP. VNH REP. CAPTAIN

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/02/2025	TO: BK14 - TD3 - P8	AIRCRAFT: 640	ETD: 12:30
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: PTHẮNG - MMINH	ETA: 14:20
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM HỒNG VŨ	BK14	82-83	2	20			46	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐỖ LÊ SƠN	BK14	91-92	2	22			75	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN HUY	BK14	95-96	2	15			78	XAYLAP	Vietnamese
4	TRỊNH NGỌC THẢO	BK14	80-81	2	18			70	XAYLAP	Vietnamese
5	HOÀNG ĐÌNH HÒA	BK14	67	1	10	1	18	67	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ ĐĂNG TIẾN	BK14	93-94	2	17			62	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ SƠN	BK14	84-85	2	18			73	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAN DUY NGỌC	BK14	74-76	3	13			54	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ ĐÌNH PHÚNG	BK14	77-78	2	20			76	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN KIM THẮNG	BK14	69-70	2	14			57	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH BIỂN	BK14	65	1	10	1	17	82	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH NAM	BK14	79	1	4			86	PSV	Vietnamese
13	LE MINH KHANG	TD3	47	1	4			65	PSV	Vietnamese
14	VŨ DUY TRƯỜNG	P8	24-25	2	6			77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK14	12	826	22	181	2	35	6		
2	TD3	1	65	1	4	0	0	2		
3	P8	1	77	2	6	0	0	1		
	TOTAL	14	968	25	191	2	35	9		
	WEIGHT KG		968		191		35			

GRAND TOAL: 1.194 KGS

VSP REP. VNH REP. CAPTAIN

Fuel: 1300 kg (Pilot)

FLIGHT MANIFEST

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

DATE: 04/02/2025	TO: CNV - CTK3	AIRCRAFT: 614	ETD: 12:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HHẢI - TRƯỞNG	ETA: 14:40
VÀNG - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOÀNG VIỆT HƯNG	CNV	21	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	25	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CNV	22	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VŨ HOÀNG	CNV	23	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG QUANG HUY	CNV	19	1	7	5	95	64	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO ĐỨC THẮNG	CNV	42	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THẢO	CNV	20	1	5	2	35	77	PSV	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC TRÍ	CTK3	38	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ CÔNG ÂN	CTK3						67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	41	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TRÍ NĂNG	CTK3	40	1	10			77	KH-THAC	Vietnamese
12	BÙI TRỌNG HỘI	CTK3	43	1	15			65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THIỆN TOÀN	CTK3	37	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NAM	CTK3	36	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
15	PHÙNG VĂN KHANH	CTK3	44-45	2	13			75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	CTK3	42	1	4			66	HVJOC	Vietnamese
17	LUYEN VAN THIEU***VE TU BK20	CTK3	35	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CNV	7	488	7	49	7	130	7		
2	CTK3	10	715	10	72	0	0	11		
	TOTAL	17	1.203	17	121	7	130	18		
	WEIGHT KG		1.203		121		130			

GRAND TOAL: 1.454 KGS

VSP REP. **VNH REP.** **CAPTAIN**